

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-3- 2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Kha

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Bùi Thị Cẩm
2. Ông Phạm Hòa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Minh Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tham gia phiên tòa:** Bà Lý Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2023/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXX-ST ngày 23 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 giữa

**1/ Nguyên đơn:** Chị **Cẩm Thị Diệu T** - sinh năm 1986; Địa chỉ: **tổ E, thị trấn S, huyện S, tỉnh Sơn La**. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

**2/Bị đơn:** Anh **Nguyễn Anh T1** - sinh năm 1978; Địa chỉ: **tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi**. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị **Cẩm Thị Diệu T** trình bày:*

Chị **Cẩm Thị Diệu T** và anh **Nguyễn Anh T1** có tìm hiểu và kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ (N là phường P, thị xã Đ)**. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng sống cùng gia đình chồng tại **tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi**. Trong thời gian sống chung vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn kéo dài, không tìm được tiếng nói chung qua nhiều năm. Đến tháng 5/2022 vợ

chồng đã sống ly thân. Nay chị **T** nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh **Nguyễn Anh T1**.

Về con chung: Vợ chồng chị **T** và anh **T1** có 02 người con chung tên **Nguyễn Cẩm Diệu C** - sinh ngày 18/12/2008; **Nguyễn Cẩm Diệu L** - sinh ngày 22/7/2017. Hiện cháu **C** đang sống với anh **T1**, cháu **L** đang sống với chị **T**. Khi ly hôn chị **T** yêu cầu nuôi cháu **L**, chị **T** đồng ý giao cháu **C** cho anh **T1** nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Chị **T** khai không có

Trong quá trình giải quyết vụ án thì anh **Nguyễn Anh T1** được Tòa án tổng đạt thông báo và giấy triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến về việc chị **T** yêu cầu ly hôn và nuôi con chung.

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị **Cẩm Thị Diệu T** có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh **Nguyễn Anh T1** ở **tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi**. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về hôn nhân: Chị **Cẩm Thị Diệu T** và anh **Nguyễn Anh T1** có đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại **Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ (N là phường P, thị xã Đ)**. Căn cứ vào Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì hôn nhân giữa chị **T** và anh **T1** là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn thì chồng anh chị sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống nên từ năm 2022 đến nay đã sống ly thân. Mặc khác anh **Nguyễn Anh T1** đã được Tòa án thông báo về việc chị **T** yêu cầu ly hôn nhưng anh không có ý kiến. Điều đó chứng tỏ rằng hôn nhân giữa chị **T** và anh **T1** đang lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không

đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên việc chị **T** yêu cầu ly hôn với anh **T1** là có căn cứ chấp nhận

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chị **T** và anh **T1** có 02 người con chung tên **Nguyễn Cẩm Diệu C** - sinh ngày 18/12/2008; **Nguyễn Cẩm Diệu L** - sinh ngày 22/7/2017. Hiện cháu **C** đang sống với anh **T1**, cháu **L** đang sống với chị **T**. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị **T** thì Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi vợ chồng ly thân thì cháu **Nguyễn Cẩm D** Lam sống chung cùng với chị **T**, cháu **Nguyễn Cẩm Diệu C** đang sống với anh **T1** và có nguyện vọng sống với cha. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu **Nguyễn Cẩm Diệu L** - sinh ngày 22/7/2017 cho chị **Cầm Thị Diệu T** trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu **Nguyễn Cẩm Diệu C** - sinh ngày 18/12/2008 cho anh **Nguyễn Anh T1** trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

Về cấp dưỡng: Chị **Cầm Thị Diệu T** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét. Anh **Nguyễn Anh T1** không có ý kiến về việc yêu cầu chị **T** cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét

[2.3 Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị **T** khai không có

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án buộc chị **Cầm Thị Diệu T** phải chịu 300.000 đồng ly hôn. Được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị **T** đã nộp tại biên lai số 0001202 ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Cầm Thị Diệu T**

1. Về hôn nhân: Cho chị **Cầm Thị Diệu T** được ly hôn anh **Nguyễn Anh T1**
2. Về con chung: Vợ chồng chị **T** và anh **T1** có 02 người con chung tên **Nguyễn Cẩm Diệu C** - sinh ngày 18/12/2008; **Nguyễn Cẩm Diệu L** - sinh ngày 22/7/2017. Hiện

cháu **C** đang sống với anh **T1**, cháu **L** đang sống với chị **T**. Giao cháu **Nguyễn Cẩm Diệu L** - sinh ngày 22/7/2017 cho chị **Cẩm Thị Diệu T** trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu **Nguyễn Cẩm Diệu C** - sinh ngày 18/12/2008 cho anh **Nguyễn Anh T1** trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng cho con chị **T** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

Anh **Nguyễn Anh T1**, chị **Cẩm Thị Diệu T** có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được quyền cản trở.

Đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có

5. Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án buộc chị **Cẩm Thị Diệu T** phải chịu 300.000 đồng ly hôn. Được khấu trừ 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) chị **T** đã nộp tại biên lai số 0001202 ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Về quyền kháng: Chị **Cẩm Thị Diệu T**, anh **Nguyễn Anh T1** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự là hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- TAND tỉnh;
- THDS thị xã;
- UBND phường Phổ Văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

**Nguyễn Minh Kha**

